TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 29-01-2024
V/v tranh chấp: *"hợp đồng mua bán".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Năm

2. Ông Nguyễn Hồng Phong

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Ngọc Nhẫn – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 332/2023/TLST – DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán".*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1/ Ông Trương Công T, sinh năm 1974.

1.2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Là chủ cơ sở sản xuất lúa giống T2.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà C: ông Trương Quốc Â, sinh năm 1989. (xin vắng)

Địa chỉ: tổ dân phố E, Phường L, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Bùi Quốc P, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: 4 ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Bấp T1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: 4 ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trương Công T ***và bà*** Nguyễn Thị Ngọc C ***do ông*** Trương Quốc Â ***đại diện trình bày:*** ông T và bà C là chủ cơ sở lúa giống Tấn Lộc, ông Bùi Quốc P là khách hang của ông T bà C nhiều năm nay, thường xuyên mua các loại vật tư nông nghiệp bằng hình thức trả chậm, từ năm 2016 ông P cũng thanh toán nhiều lần, còn nợ lại số tiền là 40.000.000 đồng, từ ngày 19/5/2023 có chốt nợ 40.000.000 đồng, ông P hứa trả nhiều lần mà không trả. Nay ông T và bà C yêu cầu ông P trả 01 lần số tiền mua bán vật tư còn thiếu là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, vì ông P trực tiếp mua bán nên không yêu cầu vợ ông phi liên đới trả.

Bị đơn ông Bùi Quốc P ***tại bản tự khai ngày 30/10/2023 trình bày*****:** từ năm 2016, ông và vợ ông có thuê đất trồng lúa. Ông có mua phân thuốc tại Cơ sở sản xuất lúa giống Tấn Lộc của ông T và bà C. Quá trình mua bán có thanh toán dần, sau này lỗ quá nên không trồng lúa nữa, còn thiếu lại số tiền phân thuốc của ông T bà C là 40.000.000 đồng. Hiện nay vợ ông là bà Võ Thị Bấp T1 làm công nhân ở B, còn ở chung nhà. Ông thừa nhận nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bấp T1***:*** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết cho bà T1 biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán theo đơn khởi kiện của ông Trương Công T và bà Nguyễn Thị Ngọc C nhưng bà T1 không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của ông T và bà C.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng ông P và bà Bấp T1 không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng, việc xét xử vắng mặt ông P và bà Bấp T1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: từ năm 2016 ông T, bà C và ông P có quan hệ mua bán vật tư nông nghiệp, ông T và bà C yêu cầu ông P thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu lại là 40.000.000 đồng, ông P thừa nhận nợ nên yêu cầu của ông T và bà C là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Trương Công T và bà Nguyễn Thị Ngọc C cùng ông Bùi Quốc P thoả thuận mua bán vật tư nông nghiệp. Nay ông T và bà C khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp về hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Do ông Bùi Quốc P hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi ông T bà C khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên toà, ông Bùi Quốc P là bị đơn và bà Võ Thị Bấp T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai tại nơi cư trú cho ông P và bà T1 bao gồm Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng ông P và bà T1 vẫn không đến tham gia phiên tòa. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đưa ra xét xử vắng mặt ông P và bà T1 là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Quốc Â đại diện theo uỷ quyền của ông Trương Công T và bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của ông T và bà C, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Ông T và bà C là chủ Cơ sở sản xuất lúa giống Tấn L, từ năm 2016 ông Bùi Quốc P là khách hàng của ông T và bà C, thường xuyên mua các loại vật tư nông nghiệp phân bón bằng hình thức trả chậm, ông P cũng thanh toán nhiều lần, từ ngày 19/5/2023 hai bên có có chốt lại số tiền ông P còn nợ là 40.000.000 đồng, ông P hứa trả nhiều lần nhưng không trả. Nay ông T và bà C yêu cầu ông P trả 01 lần số tiền mua bán phân bón còn thiếu là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, vì ông P trực tiếp mua bán nên không yêu cầu vợ ông P liên đới trả. Tại bản tự khai ngày 30/10/2023, ông P thừa nhận từ năm 2016 có mua phân thuốc của ông T và bà C, thanh toán nhiều lần và còn nợ lại ông T và bà C tiền mua phân thuốc là 40.000.000 đồng do thuê đất trồng lúa bị thua lỗ nên không có tiền thanh toán, hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần. Ông T và bà C do ông Â đại diện không đồng ý cho trả dần, yêu cầu thanh toán 01 lần số tiền 40.000.000 đồng, pháp luật cũng chưa quy định về việc trả dần, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận nợ của ông P buộc ông P trả cho ông T và bà C số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp theo điều 440 Bộ luật dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu vợ của ông P là bà Võ Thị B Thường liên đới trả nợ cũng như không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[8] Về án phí: ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải thanh toán. Ông T và bà C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các Điều 227, 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công T và bà Nguyễn Thị Ngọc C.

Buộc ông Bùi Quốc P trả cho ông Trương Công T và bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền mua phân thuốc còn nợ là 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Ông Bùi Quốc P phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại ông Trương Công T và bà Nguyễn Thị Ngọc C 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T và bà C đã nộp theo biên lai thu số 0001236 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Án văn, Lưu;

Hồ Bảo Trâm